TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HN-ST
Ngày: 19 - 01 - 2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Chi

Ông Trần Văn Mỹ Phúc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** (Không tham gia)

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Kim N, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà B, đường T1, phường T2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* Ông Vũ Văn M, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Nguyên quán: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà B, đường T1, phường T2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Kim N trình bày:

Bà N và ông Vũ Văn M đăng ký kết hôn ngày 11/7/2017 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V. Cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp về cách sống, khẩu vị ăn uống, quan hệ cư xử không cùng vùng miền. Bà N nhận thấy vợ chồng chung sống không hạnh phúc, yêu cầu ly hôn ông M.

Con chung: Không có. Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Bà N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà N tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa sơ thẩm.

Tại Tờ tường trình đề ngày 08/12/2021, Đơn xin vắng mặt đề ngày 24/12/2021, ông Vũ Văn M trình bày:

Ông M và bà N qua một thời gian tìm hiểu, quyết định về sống chung, đăng ký kết hôn vào ngày 11/7/2017 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V. Tuy nhiên, cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn về quan điểm sống, văn hóa vùng miền khác biệt. Ông M đồng ý thuận tình ly hôn bà N. Con chung: Không có. Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có. Ông M đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông M tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn cùng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà N là người có quyền khởi kiện ông M tranh chấp ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố V nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Nguyên đơn, bị đơn cùng có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 186, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân của bà N, ông M được xác lập vào năm 2017 nhưng cuộc sống chung không hòa hợp, đồng ý thuận tình ly hôn với nhau. Xét thấy, tình cảm vợ chồng của bà N, ông M không còn sự mong muốn chung sống cùng nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc ly hôn với ông M.

[3] Con chung: Không có. Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Án phí: Bà N sinh năm 1960, đã 62 tuổi thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định của Luật Người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn nộp án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí hôn nhân sơ thẩm đối với bà N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 186, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ

khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Kim N.

Bà Huỳnh Kim N và ông Vũ Văn M ly hôn với nhau.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Án phí:

Miễn nộp án phí hôn nhân sơ thẩm đối với bà Huỳnh Kim N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Đương sự: 2;
- Lưu: 5.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân